

Số /BC-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức và thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Lào Cai

I. Một số vấn đề trong việc thực hiện nội dung, định mức chi đối với công tác tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức và thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức của tỉnh hiện nay

1. Bối cảnh chung

Thực hiện mục tiêu trọng tâm của Chương trình tổng thể cải cách hành chính xuyên suốt giai đoạn 2011 – 2020, định hướng đến năm 2030 “Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước” theo tinh thần của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ, đồng thời đây cũng là một trong những nội dung phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong giai đoạn 2016 – 2020, tỉnh ủy Lào Cai đã ban hành 02 Đề án trọng tâm: Đề án số 16 về việc xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững về tổ chức, mạnh về đội ngũ, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, đảng viên tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020; Đề án số 18 về việc đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện trong hệ thống chính trị tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 -2020; giai đoạn 2021 – 2025 dự kiến ban hành 02 Đề án: Đề án số 14 về Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Đề án số 18 về xây dựng đội ngũ cán bộ công chức các cấp tỉnh Lào Cai nhằm thể chế hóa các mục tiêu trọng tâm của Chương trình tổng thể cải cách hành chính trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước.

Bên cạnh việc tăng cường công tác tinh giản biên chế nhằm đưa ra khỏi bộ máy đội ngũ công chức viên chức trình độ chuyên môn, năng lực kém. Công tác tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị.

Các kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Lào Cai diễn ra thường xuyên hàng năm. V

Việc thực hiện nội dung và định mức thu phí tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Mặt khác, Thông tư số 228/2016/TT-BNV cũng quy định việc quản lý và sử dụng phí để thực hiện chi một số nội dung cho công tác tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức nhưng không quy định định mức chi cụ thể.

Do chưa có văn bản nào quy định cụ thể, chi tiết về nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi tuyển dụng công chức, viên chức và thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức nên trong thời gian qua việc thực hiện các nội dung và định mức chi cho công tác này tại tỉnh Lào Cai cơ bản được vận dụng theo các quy định khác có liên quan, cụ thể như:

- Nội dung và định mức chi biên soạn tài liệu hướng dẫn ôn thi: Từ năm 2016 – 2018, vận dụng theo quy định tại Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 -2020; Từ năm 2019 đến nay vận dụng theo quy định tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Nội dung và định mức chi cán bộ, giảng viên hướng dẫn ôn thi: Vận dụng theo quy định tại Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Lào Cai ban hành một số mức chi thực hiện cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Nội dung và định mức chi xây dựng ngân hàng đề; phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng thi, các bộ phận giúp việc: Vận dụng theo quy định tại Nghị quyết số 58/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của HĐND tỉnh Lào Cai về các chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục trên địa bàn Lào Cai.

- Nội dung và định mức chi khác (Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về chỉ tiêu và điều kiện dự tuyển; Thuê mua vật tư, văn phòng phẩm,...): Theo thực tế phát sinh, hợp đồng, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Thực tế cho thấy, các kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức cần sự phối hợp, tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị chức năng, các nội dung chi thực hiện nhiệm vụ tương đối nhiều. Việc tạm vận dụng các nội dung và định mức này theo một số văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh

như hiện nay nảy sinh nhiều vướng mắc, bất cập, nhất là việc bố trí và thanh quyết toán kinh phí chưa phù hợp với thực tế.

Do đó, để có cơ sở pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi trong việc bố trí, sử dụng nguồn kinh phí, thống nhất các nội dung và định mức chi cho công tác tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức, đồng thời nâng cao vai trò trách nhiệm của thành viên tham gia công tác tổ chức tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức thì việc nghiên cứu ban hành chính sách quy định nội dung, định mức chi tổ chức kỳ tuyển dụng công chức, nâng ngạch công chức và thăng hạng CDNN viên chức là hoàn toàn phù hợp và cấp thiết.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Thông qua chính sách quy định nội dung, mức chi tổ chức kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức tạo điều kiện thuận lợi trong việc bố trí, sử dụng nguồn kinh phí chi cho công tác tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức.

- Thống nhất các nội dung và định mức chi tổ chức tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức, đảm bảo quyền lợi, nâng cao vai trò trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện nhiệm vụ trong các kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức.

II. Đánh giá tác động của chính sách

1. Nội dung chính sách

Quy định các nội dung, mức chi tổ chức kỳ tuyển dụng, thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, chưa có văn bản nào quy định cụ thể nội dung và định mức chi tổ chức kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức. Việc thực hiện các nội dung và định mức chi này được vận dụng theo một số quy định khác có liên quan của tỉnh. Tuy nhiên, việc vận dụng này nảy sinh các vướng mắc, bất cập sau:

- Các nội dung chi tổ chức một kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức nhiều, phải vận dụng định mức chi quy định tại nhiều Văn bản khác nhau như đã nêu trong mục I của báo cáo này. Tuy nhiên, việc vận dụng này vẫn chưa bao quát hết được đầy đủ các nội dung chi tổ chức một kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức như: chưa có nội dung chi phụ cấp trách nhiệm cho Ban Kiểm tra sát hạch, Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, nội dung chi thực hiện một số nhiệm vụ đối với hình thức thi trắc nghiệm trên máy,...

- Cùng một nội dung có nhiều định mức chi khác nhau dẫn đến việc khó khăn trong việc xác định định mức chi phù hợp. Hơn nữa, các định mức chi này chưa thực sự phù hợp với thực tế do tính chất, quy mô, tầm quan trọng của các kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức khác so với các kỳ thi của ngành giáo dục. Cụ thể, nội dung chi phụ cấp trách nhiệm cho

Hội đồng và các bộ phận giúp việc vận dụng theo quy định tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục trên địa bàn Lào Cai. Tuy nhiên, nội dung này được quy định 4 định mức chi khác nhau tùy từng loại kỳ thi (chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 THPT, tốt nghiệp THPT hoặc THPT quốc gia, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện,...).

- Không thống nhất trong việc xác định nội dung và định mức chi giữa các kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức. Tùy từng kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức được xem xét vận dụng theo các định mức khác nhau, có nội dung chỉ được xem xét vận dụng bằng 50% hoặc 70% định mức theo quy định.

- Một số kỳ tuyển dụng (tuyển dụng công chức cấp xã, tuyển dụng viên chức) được phân cấp cho các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã thực hiện có quy mô nhỏ, tổng thu phí tuyển dụng thấp, nội dung chi thực hiện từ nguồn thu phí. Do đó, không đảm bảo chế độ đối với những cá, tổ chức tham gia thực hiện nhiệm vụ.

Từ những bất cập nêu trên, cần có giải pháp quy định nội dung và định mức chi tổ chức kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức.

1.2. Mục tiêu chính sách:

- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc bố trí, sử dụng nguồn kinh phí chi cho công tác tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức.

- Thống nhất các nội dung và định mức chi tổ chức tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức.

- Đảm bảo quyền lợi cho các cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện nhiệm vụ trong các kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức.

1.3. Giải pháp thực hiện:

Quy định nội dung, mức chi tổ chức kỳ tuyển dụng công chức, viên chức và thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức:

1.3.1. **Chính sách 1:** Chi biên soạn, thẩm định nội dung tài liệu và hướng dẫn ôn tập

- * Chi biên soạn, thẩm định nội dung tài liệu ôn tập

Phương án 1: (tương đương 70% mức chi theo NQ 13 chi thực hiện nhiệm vụ khoa học tính theo số tuyệt đối, tương đương định mức STC đang duyệt)

- Mức chi cho tổ trưởng, tổ phó: 350.000đ/người/ngày

- Mức chi cho thành viên: 200.000đ/người/ngày

Phương án 2: (vận dụng mức chi tại NQ 13 chi thực hiện nhiệm vụ khoa học)

- Mức chi cho tổ trưởng, tổ phó: Hệ số tiền công theo ngày thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở x mức lương cơ sở x số ngày thực hiện nhiệm vụ

(Trong đó: Hệ số tiền công theo ngày thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở đối với thành viên thực hiện nhiệm vụ là 0,316)

- Mức chi cho thành viên: Hệ số tiền công theo ngày thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở x mức lương cơ sở x số ngày thực hiện nhiệm vụ

(Trong đó: Hệ số tiền công theo ngày thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở đối với thành viên thực hiện nhiệm vụ là 0,196)

* Chi hướng dẫn ôn tập

Phương án 1: (vận dụng mức chi tại NQ11 chi thù lao giảng viên)

- Mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên thuộc cơ sở đào tạo bồi dưỡng, nghiên cứu, cơ quan, đơn vị trung ương: 1.500.000đ/buổi;

- Mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên thuộc các cơ sở đào tạo bồi dưỡng, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh: 1.000.000đ/buổi.

Phương án 2: Giảng viên, báo cáo viên hướng dẫn ôn tập được hưởng mức thù lao: 1.200.000đ/buổi. (mức chi tương đương mức tối đa của Quảng Nam)

1.3.2. **Chính sách 2:** Chi xây dựng ngân hàng đề (bao gồm cả hướng dẫn chấm thi, đáp án chi tiết kèm theo)

* Chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm

Phương án 1: (mức chi tăng 10% so với mức chi tại NQ28)

- Chi soạn thảo câu trắc nghiệm để đưa vào biên tập: 50.000đ/câu

- Chi thẩm định và biên tập câu trắc nghiệm: 45.000đ/câu

- Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm: 300.000đ/người/ngày

- Chi đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm: 200.000đ/người/ngày.

Phương án 2: (Vận dụng mức chi tối đa của Quảng Nam)

- Chi ra đề trắc nghiệm (bao gồm cả soạn thảo, thẩm định, biên tập, nhập liệu): 150.000đ/câu

* Chi xây dựng đề tự luận:

Phương án 1: (mức chi tăng 10% so với mức chi ra đề thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh tại NQ 28)

- Mức chi xây dựng đề thi đề xuất: 630.000đ/đề

Phương án 2: (Vận dụng = ½ mức chi của thành phố HN)

- Mức chi xây dựng đề thi đề xuất: 1.000.000đ/đề

* Chi ra đề phỏng vấn (bao gồm cả soạn thảo, thẩm định và biên tập)

Phương án 1: (Vận dụng mức chi tối đa của Quảng Nam)

- Mức chi ra đề phỏng vấn: 170.000đ/câu

Phương án 2 : (đơn vị tính là số lượng đề)

- Mức chi ra đề phỏng vấn: 500.000đ/đề

1.3.3. Chính sách 3: Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng thi (xét) và các bộ phận giúp việc

* Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng thi (xét)

Nội dung chi	Đơn vị tính	Phương án 1 (vận dụng tăng 10% mức chi HS giỏi tại NQ 28)	Phương án 2 (vận dụng mức chi tối đa Quảng Nam)
- Chủ tịch	Người/ngày	275.000	280.000
- Phó chủ tịch	Người/ngày	220.000	250.000
- Ủy viên	Người/ngày	180.000	225.000
- Thư ký	Người/ngày	180.000	225.000

* Chi phụ cấp trách nhiệm cho Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển

Nội dung chi	Đơn vị tính	Phương án 1 (vận dụng = 70% mức chi Quảng Nam)	Phương án 2 (vận dụng = mức chi tối đa Quảng Nam)
- Trưởng ban	Người/ngày	190.000	265.000
- Phó trưởng ban	Người/ngày	175.000	250.000
- Thành viên	Người/ngày	150.000	210.000

* Chi phụ cấp trách nhiệm cho Ban Kiểm tra sát hạch, Ban coi:

Nội dung chi	Đơn vị tính	Phương án 1 (vận dụng tăng 10% chi phụ cấp ban coi kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh tại NQ 28)	Phương án 2 (vận dụng = mức chi tối đa Quảng Nam)
- Trưởng ban	Người/ngày	210.000	265.000
- Phó trưởng ban	Người/ngày	200.000	250.000
- Thư ký, giám thị, giám khảo phỏng vấn,	Người/ngày	165.000	210.000

kỹ thuật viên			
- Y tế, phục vụ	Người/ngày	70.000	100.000

* Chi phụ cấp trách nhiệm cho Ban Giám sát

Nội dung chi	Đơn vị tính	Phương án 1 (vận dụng tăng 10% mức chi chọn HSG tại NQ 28)	Phương án 2 (vận dụng = mức chi tối đa Quảng Nam)
- Trưởng ban	Người/ngày	240.000	300.000
- Phó trưởng ban	Người/ngày	165.000	250.000
- Thành viên	Người/ngày	165.000	210.000

* Chi phụ cấp trách nhiệm cho Ban Phách

Nội dung chi	Đơn vị tính	Phương án 1 (vận dụng tăng 10% mức chi chọn HSG tại NQ 28)	Phương án 2 (vận dụng = mức chi tối đa Quảng Nam)
- Trưởng ban	Người/ngày	240.000	300.000
- Phó trưởng ban	Người/ngày	200.000	250.000
- Thành viên	Người/ngày	165.000	210.000

* Chi phụ cấp trách nhiệm cho Ban Đề thi

Nội dung chi	Đơn vị tính	Phương án 1 (vận dụng tăng 10% mức chi chọn HSG tại NQ 28)	Phương án 2 (vận dụng = mức chi tối đa Quảng Nam)
- Trưởng ban	Người/ngày	275.000	350.000
- Phó trưởng ban	Người/ngày	220.000	280.000
- Thành viên	Người/ngày	385.000	230.000
- Thư ký, Bảo vệ vòng trong	Người/ngày	180.000	-
- Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	90.000	-
- Y tế, phục vụ	Người/ngày	80.000	115.000

* Chi phụ cấp trách nhiệm cho Tổ sao in đề thi

Nội dung chi	Đơn vị tính	Phương án 1 (vận dụng tăng 10% mức chi chọn HSG tại NQ 28)	Phương án 2 (vận dụng = mức chi tối đa Quảng Nam)
- Tổ trưởng	Người/ngày	250.000	300.000
- Tổ phó	Người/ngày	220.000	-
- Thành viên, thư ký, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	180.000	210.000
- Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	90.000	210.000
- Y tế, phục vụ	Người/ngày	80.000	210.000

* Chi phụ cấp trách nhiệm cho Ban Chấm, Ban Chấm phúc khảo

Nội dung chi	Đơn vị tính	Phương án 1 (vận dụng tăng 10% mức chi chọn HSG tại NQ 28)	Phương án 2 (vận dụng = mức chi tối đa Quảng Nam)
- Trưởng ban	Người/ngày	240.000	300.000
- Phó trưởng ban	Người/ngày	200.000	-
- Thư ký	Người/ngày	165.000	210.000
-Thành viên, giám khảo + Chấm bài tự luận + Chấm bài trắc nghiệm	Ngày/người Bài/người Ngày/người	 55.000 310.000	210.000
- Y tế, phục vụ	Người/ngày	80.000	210.000

* Chi phụ cấp trách nhiệm cho Tổ thư ký giúp việc

Nội dung chi	Đơn vị tính	Phương án 1 (vận dụng =70% mức chi tối đa của Quảng Nam)	Phương án 2 (vận dụng = mức chi tối đa Quảng Nam)
- Tổ trưởng	Người/ngày	190.000	265.000
- Thành viên	Người/ngày	150.000	210.000

1.4. Đánh giá tác động của chính sách:

1.4.1. Tác động về kinh tế

Quy mô mỗi kỳ tuyển dụng, thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức quyết định mức kinh phí tổ chức thực hiện và mức kinh phí mà ngân sách cần bổ sung.

Dự kiến sau khi ban hành chính sách này, mức kinh phí tổ chức kỳ tuyển dụng, thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức như sau:

a, Theo phương án 1:

Giả định trong giai đoạn 2021-2025, ước tính tỉnh Lào Cai tổ chức 12 kỳ tuyển dụng và 10 kỳ nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Dự kiến kinh phí sử dụng để tổ chức các kỳ tuyển dụng, thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức, cụ thể:

- Đối với kỳ tuyển dụng, trong đó dự kiến:

+ 02 kỳ tuyển dụng công chức có quy mô 90 thí sinh dự thi, kinh phí thực hiện 165 triệu đồng/kỳ (trong đó: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 45 triệu/kỳ, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 120 triệu/kỳ). Tổng kinh phí tổ chức: 330 triệu (trong đó: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 90 triệu, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 240 triệu);

+ 10 kỳ tuyển dụng viên chức có quy mô từ 200 - 300 thí sinh dự thi, kinh phí thực hiện khoảng 220 triệu đồng/kỳ (trong đó: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 100 triệu/kỳ, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 120 triệu/kỳ). Tổng kinh phí tổ chức: 2.200 triệu (trong đó: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 1.000 triệu, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 1.200 triệu)

- Đối với kỳ nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, trong đó dự kiến:

+ 10 kỳ nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức có quy mô từ 100 - 200 thí sinh dự thi, kinh phí thực hiện khoảng 198 triệu đồng/kỳ (trong đó: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 90 triệu/kỳ, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 108 triệu/kỳ). Tổng kinh phí tổ chức: 1.980 triệu (trong đó: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 900 triệu, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 1.080 triệu)

Tổng kinh phí ước tính tổ chức các kỳ nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giai đoạn 2021 – 2025 là 4.510 triệu đồng. Trong đó, kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 1.990 triệu, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 2.520 triệu.

(Mức kinh phí tổ chức tính theo quy mô được chi tiết trong bảng phụ lục 1 đính kèm)

b, Theo phương án 2:

Cùng với giả định về quy mô, số lượng kỳ nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giai đoạn 2021 – 2025 như phương án 1, kinh phí dự kiến thực hiện cụ thể như sau:

- Đối với kỳ tuyển dụng, trong đó dự kiến:

+ 02 kỳ tuyển dụng công chức có quy mô 90 thí sinh dự thi, kinh phí thực hiện 234 triệu đồng/kỳ (trong đó: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 45 triệu/kỳ, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 189 triệu/kỳ). Tổng kinh phí tổ chức: 468 triệu (trong đó: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 90 triệu, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 378 triệu);

+ 10 kỳ tuyển dụng viên chức có quy mô từ 200 - 300 thí sinh dự thi, kinh phí thực hiện khoảng 337 triệu đồng/kỳ (trong đó: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 100 triệu/kỳ, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 237 triệu/kỳ). Tổng kinh phí tổ chức: 3.370 triệu (trong đó: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 1.000 triệu, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 2.370 triệu).

- Đối với kỳ nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, trong đó dự kiến:

+ 10 kỳ nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức có quy mô từ 100 - 200 thí sinh dự thi, kinh phí thực hiện khoảng 281 triệu đồng/kỳ (trong đó: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 90 triệu/kỳ, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 191,1 triệu/kỳ). Tổng kinh phí tổ chức: 2.810 triệu (trong đó: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 900 triệu, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 1.910 triệu)

Tổng kinh phí ước tính tổ chức các kỳ nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giai đoạn 2021 – 2025 là 6.648 triệu đồng. Trong đó, kinh phí thực hiện từ nguồn thu lệ phí: 1.990 triệu, kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: 4.658 triệu.

(Mức kinh phí tổ chức tính theo quy mô được chi tiết trong bảng phụ lục 2 đính kèm)

Chênh lệch mức kinh phí ước tính giữa phương án 1 so với phương án 2 là: 4.510 triệu đồng – 6.648 triệu đồng = - 2.138 triệu đồng.

1.4.2. Tác động về xã hội

- Khắc phục được những bất cập trong công tác chi trả chế độ tổ chức các kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của giai đoạn trước.

- Đảm bảo quyền lợi cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia thực hiện nhiệm vụ trong các kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức tham gia thực hiện nhiệm vụ trong các kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

1.4.3. Tác động về giới

Chính sách không có sự phân biệt về giới

1.4.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Chính sách không mâu thuẫn với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, không trái với các quy định của pháp luật hiện hành.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

1.5.1. Kiến nghị giải pháp:

Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét nhất trí với đề xuất theo Phương án 1.

Thẩm quyền do Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (nghị quyết của Hội đồng nhân dân).

1.5.2. Lý do lựa chọn:

- Theo Phương án 1, tất cả các mức chi được cụ thể hóa bằng số tuyệt đối, không phụ thuộc vào mức lương cơ sở. Điều này phù hợp với việc thực hiện chính sách cải cách tiền lương trong giai đoạn tới. Đồng thời, các chính sách được chi tiết đến từng đối tượng, từng nội dung (mức chi hướng dẫn ôn tập, mức chi cho việc xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm).

- Mức hỗ trợ theo Phương án 1 đảm bảo tương quan so với mức hỗ trợ tổ chức thực hiện các kỳ thi khác của ngành Giáo dục và đào tạo.

III. Lấy ý kiến

Sau khi xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá tác động về quy định nội dung và định mức chi tổ chức kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức, cơ quan soạn thảo sẽ tiến hành lấy ý kiến tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các Sở, ngành và địa phương bằng văn bản;

Thông qua các cuộc họp do Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì để xây dựng dự thảo tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ từ ngày 20/4/2021 đến ngày 20/5/2021 (lần 1).

IV. Công tác giám sát, đánh giá

1. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị và các tổ chức khác theo các Quyết định của Bộ Chính trị: Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng đảng, xây dựng chính quyền.

2. Trong quá trình thực hiện phải bám sát các quy định của Chính phủ, bộ ngành Trung ương về chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, tổ chức, đơn vị, về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, vị trí việc làm, tiêu chuẩn, chức danh... và các văn bản luật liên quan khác.

3. Sở Nội vụ là cơ quan chịu trách nhiệm tham mưu, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện. Cụ thể:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau khi thống nhất với Ban Tổ chức tỉnh ủy) thực hiện các nội dung của chính sách, về quy trình, thủ tục liên quan.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai, thực hiện chính sách và báo cáo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức đánh giá kết quả về công tác triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của quy định nội dung và định mức chi tổ chức kỳ tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng CDNN viên chức thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh (nội dung nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh), Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NC, TH, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phục lục 1: Mức kinh phí tổ chức kỳ tuyển dụng, thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo Phương án 1

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Quy mô kỳ tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng	Kinh phí tổ chức					Kinh phí thực hiện từ nguồn thu phí	Kinh phí bổ sung từ ngân sách nhà nước	Ghi chú
		Chi biên soạn, thẩm định nội dung tài liệu và hướng dẫn ôn tập	Chi xây dựng ngân hàng đề	Chi phụ cấp trách nhiệm cho HĐ thi và các bộ phận giúp việc	Chi khác	Tổng			
1	2	3	4	5	6	7=(3+4+5+6)	8	9=(7-8)	10
A	Tuyển dụng								
1	Dưới 100 thí sinh	15	80	50	20	165	Dưới 50 triệu	Từ 115 -165 triệu	
2	Từ 100 - dưới 500 thí sinh	15- 31,1	80-165,88	50-103,68	20-41,47	165-342,13	Từ 40 - dưới 200 triệu	Từ 118 – 142,13 triệu đồng	(cứ tăng 100 thí sinh kinh phí thực hiện tăng 20%)
3	Từ 500 - dưới 1000 thí sinh	31,1-50	165,88-267,15	103,68-166,98	41,47-66,78	342,13-550	Từ 150- 300 triệu	Từ 191 – 250 triệu đồng	(cứ tăng 100 thí sinh kinh phí thực hiện tăng 10%)
B	Nâng ngạch CV, CVC và tương đương, thăng hạng II, III								
1	Dưới 100 thí sinh	15	80	50	20	165	Dưới 70 triệu	Từ 95 - 165 triệu	
2	Từ 100 - dưới 500 thí sinh	15- 31,1	80-165,88	50-103,68	20-41,47	165-342,13	Từ 60 – 300 triệu	Từ 42,13 – 105 triệu	
3	Từ 500 - dưới 1000 thí sinh	31,1-50	165,88-267,15	103,68-166,98	50-80,53	342,13-564,74	Từ 250 – 500 triệu	Từ 64,74 -92,13 triệu	

Phục lục 2: Mức kinh phí tổ chức kỳ tuyển dụng, thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo Phương án 2

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Quy mô kỳ tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng	Kinh phí tổ chức					Kinh phí thực hiện từ nguồn thu phí	Kinh phí bổ sung từ ngân sách nhà nước	Ghi chú
		Chi biên soạn, thẩm định nội dung tài liệu và hướng dẫn ôn tập	Chi xây dựng ngân hàng đề	Chi phụ cấp trách nhiệm cho HĐ thi và các bộ phận giúp việc	Chi khác	Tổng			
1	2	3	4	5	6	$7=(3+4+5+6)$	8	$9=(7-8)$	10
A	Tuyển dụng								
1	Dưới 100 thí sinh	21	114	71	28	234	Dưới 50 triệu	Từ 184 - 234 triệu	
2	Từ 100 - dưới 500 thí sinh	21- 43,5	114-236	71-147	28-58	234-485	Từ 40 - dưới 200 triệu	Từ 194 – 285 triệu đồng	(cứ tăng 100 thí sinh kinh phí thực hiện tăng 20%)
3	Từ 500 - dưới 1000 thí sinh	43,5-70	236-380	147-237	58-93	485-781	Từ 150- 300 triệu	Từ 135 – 481 triệu đồng	(cứ tăng 100 thí sinh kinh phí thực hiện tăng 10%)
B	Nâng ngạch CV, CVC và tương đương, thăng hạng II, III								
1	Dưới 100 thí sinh	21	114	71	28	234	Dưới 70 triệu	Từ 139 - 234 triệu	
2	Từ 100 - dưới 500 thí sinh	21- 43,5	114-236	71-147	28-58	234-485	Từ 60 – 300 triệu	Từ 174 – 185 triệu	
3	Từ 500 - dưới 1000 thí sinh	43,5-70	236-380	147-237	58-93	485-781	Từ 250 – 500 triệu	Từ 235 - 281 triệu	